

GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CỦA TP. HỒ CHÍ MINH, TẦM NHÌN 2030

Nguyễn Thị Bích Thủy^{1*}, Trần Thị Ngọc Lan², Trần Thành Trung²

¹Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM

²Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

*Email: nguyenthibichthuy@iuh.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/6/2022; Ngày chấp nhận đăng: 03/8/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn rằng kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học giúp cho nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách nhằm đưa ra các giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh tầm nhìn đến năm 2030. Nghiên cứu đã đưa ra các giải pháp, khuyến nghị quan trọng cho Thành phố Hồ Chí Minh như: Xây dựng quy hoạch phát triển ngành, vùng, thành phần kinh tế của thành phố phải gắn với mỗi ngành, có xem xét đến từng vùng, mỗi địa bàn, ưu tiên phát triển các loại thể so sánh, đồng thời tăng cường thu hút các dự án có công nghệ phù hợp, đầu tư vào những ngành mang tính chuyên dịch cơ cấu kinh tế nhằm giảm bớt tình trạng mất cân bằng hiện nay của Thành phố Hồ Chí Minh; Tạo cơ chế ưu đãi và khuyến khích hơn nữa để thu hút FDI vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các vùng và ngành kinh tế có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh cao nhưng đang thiếu vốn; Tăng cường thu hút FDI từ Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc vào Thành phố Hồ Chí Minh để tạo bước đột phá về công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Và cuối cùng là công tác vận động, xúc tiến đầu tư cần được đổi mới về nội dung và phương thức thực hiện, theo một kế hoạch và chương trình chủ động, có hiệu quả.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Thành phố Hồ Chí Minh.

1. GIỚI THIỆU

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT) có mối liên hệ chặt chẽ với tăng trưởng và phát triển kinh tế, vừa là kết quả của quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong một giai đoạn nhất định, vừa là vấn đề quan trọng thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội của một quốc gia lên một trình độ mới. CDCCKT chính là sự thay đổi cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với điều kiện và môi trường phát triển. CDCCKT là một quá trình tất yếu gắn với sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là sự phát triển trong quá trình hội nhập [1].

Có nhiều giải pháp khác nhau để thực hiện việc CDCCKT, trong đó tăng cường và bổ sung nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có ý nghĩa hết sức quan trọng tạo động lực để thúc đẩy CDCCKT. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, sau hơn 30 năm tiến hành mở cửa, đổi mới mạnh mẽ nền kinh tế đã khẳng định nguồn vốn FDI có vai trò tích cực trong việc thay đổi đời sống kinh tế, xã hội, CDCCKT của nhiều địa phương. Nhiều địa phương của Việt Nam nhờ tận dụng và phát huy tốt nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ như: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai [2].

Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) là một đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về dân số, kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và là đầu mối giao lưu, hội nhập quốc tế. Nhiều năm qua TP.HCM luôn luôn là đầu tàu của cả nước trong tăng trưởng kinh tế, tổng thu nhập vùng (GRDP), tốc độ tăng trưởng và nguồn vốn đầu tư cũng như về số lượng các doanh nghiệp trong và ngoài nước... Hơn nữa TP.HCM còn có vị trí địa lý, kinh tế đặc biệt quan trọng như có một hệ thống mạng lưới hạ tầng kinh tế kỹ thuật và xã hội đồng bộ; là nơi kết nối giao thông thuận lợi về đường bộ, đường sông, đường biển và đường hàng không giữa 2 miền Đông và Tây Nam Bộ với khu vực Đông Nam Á, liên thông vào mạng lưới chung về giao thông với Châu Á và thế giới; ở giữa khu vực Đông Nam Á có các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa. Với những lợi thế quan trọng đó, những năm qua, TP.HCM đã có nhiều chính sách, biện pháp quan trọng để thu hút nguồn vốn FDI và luôn được đánh giá là địa phương đứng tốp đầu cả nước về thu hút nguồn vốn này. Theo Cục Thống kê TP.HCM, dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố đến ngày 20/12/2021 là 10.441 dự án, với vốn đăng ký là 49,47 tỷ USD, bao gồm vốn cấp mới và điều chỉnh vốn. Còn theo Cục Đầu tư nước ngoài, cũng tính đến 20/12/2021, tổng số vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020 [3].

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, còn tồn tại những hạn chế của FDI trong việc thúc đẩy CDCCKT tại TP.HCM như: Chiến lược thu hút FDI nhằm thúc đẩy CDCCKT chưa hợp lý; công tác quy hoạch trong thu hút FDI theo ngành kinh tế, theo vùng, theo thành phần kinh tế và theo sản phẩm của Thành phố còn chưa đạt được như kỳ vọng. Chuyển giao công nghệ từ hoạt động thu hút FDI còn hạn chế, vẫn còn những điểm nghẽn về năng lực hấp thụ FDI thúc đẩy CDCCKT tại TP.HCM. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng FDI thúc đẩy CDCCKT tại TP.HCM là vấn đề mang tính thời sự, có tính cấp thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ KHUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm liên quan

Theo Luật Đầu tư Việt Nam ban hành năm 2005 tại Mục 2 - Điều 3: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn vào Việt Nam bằng tiền mặt hoặc bất cứ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định”.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự phát triển không đều giữa các ngành, là sự chuyển dịch sao cho phù hợp với năng lực, trình độ của lao động trong điều kiện kinh tế - xã hội ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước. Dễ hiểu hơn là ngành nào có tốc độ phát triển mạnh hơn thì sẽ tăng tỉ trọng của ngành đó, ngành nào có tốc độ phát triển thấp hơn thì điều chỉnh giảm tỉ trọng của ngành đó cho phù hợp tổng thể chung của nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế được chia thành 3 loại: (1) CDCCKT theo ngành; (2) CDCCKT theo vùng; (3) CDCCKT theo lãnh thổ [4].

Đã có nhiều lý thuyết về quyết định đầu tư của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài từ những năm 1930 cho đến nay như: Lý thuyết đầu tư trực tiếp nước ngoài về lợi thế sở hữu của Hymer (1960), lý thuyết chu kỳ sản phẩm được phát triển bởi Vernon (1966), lý thuyết chiết trung của Dunning hay còn gọi là lý thuyết OLI được ra đời vào năm 1977. Những lý thuyết này tuy có sự khác biệt về cách tiếp cận, nhưng nhìn chung các lý thuyết này tập trung vào trả lời ba câu hỏi chính là (i) Động cơ nào dẫn đến một doanh nghiệp tiến hành hoạt động FDI? (ii) Tại sao các doanh nghiệp tiến hành hoạt động FDI chứ không phải là hoạt động khác như xuất khẩu hoặc cấp giấy phép? (iii) Những yếu tố nào của nước nhận đầu tư sẽ tác động tới việc lựa chọn địa điểm đầu tư của các công ty đa quốc gia?

Lịch sử phát triển của kinh tế thế giới đã cho thấy quá trình phát triển kinh tế cũng đồng nghĩa với quá trình CDCCKT, từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến lên một nền kinh tế

công nghiệp hoá và dần chuyển sang một nền kinh tế mà trong đó dịch vụ đóng vai trò quan trọng nhất hay còn gọi là một nền kinh tế đã phát triển. Lý thuyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế của M.Syrquin có thể tóm tắt gồm 3 giai đoạn: (i) Sản xuất nông nghiệp có đặc trưng chính là sự thống trị của các hoạt động của khu vực khai thác, đặc biệt là nông nghiệp, như là nguồn lực chính trong việc gia tăng sản lượng của các hàng hoá khả thương (tradables), (ii) Công nghiệp hoá là giai đoạn công nghiệp hoá: có đặc điểm nổi bật là tầm quan trọng trong nền kinh tế đã được chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực chế biến trong đóng góp và tăng trưởng kinh tế chung ngày càng tăng lên, và (iii) Nền kinh tế phát triển là giai đoạn của một nền kinh tế phát triển. Do đó, lý thuyết chuyển dịch cơ cấu của M.Syrquin (1999) là một bức tranh tổng thể khá chính xác về sự phát triển và CDCCKT trên thế giới thời kỳ hiện đại đã và đang chuyển qua 4 giai đoạn: Giai đoạn 1: Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ; Giai đoạn 2: Công nghiệp - Nông nghiệp - Dịch vụ; Giai đoạn 3: Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp; Giai đoạn 4: Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp. Như thế, tầm quan trọng của khu vực dịch vụ tại bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng tùy thuộc phần lớn vào giai đoạn phát triển đương thời [5].

Những người ủng hộ quan điểm phát triển cân đối như Nurkse và cộng sự (1961) cho rằng phải phát triển đồng đều ở tất cả mọi ngành kinh tế quốc dân để nhanh chóng công nghiệp hóa và chuyển dịch cơ cấu. Lý thuyết này khi đưa ra được các quốc gia đang phát triển đi theo con đường công nghiệp hóa hướng nội (công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu) rất ưa chuộng. Tuy nhiên, khi được áp dụng thực tế đã bộc lộ những yếu điểm như sau: (i) Việc phát triển một cơ cấu kinh tế cân đối và hoàn chỉnh đã đẩy các nền kinh tế đến chỗ khép kín và tách biệt với thế giới bên ngoài, điều này đi ngược lại với xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra trên thế giới và không tận dụng được những lợi ích tích cực từ môi trường bên ngoài đem lại. (ii) Các nền kinh tế đang phát triển không đủ nguồn lực về nhân tài, vật lực để có thể thực hiện [6]. Từ thập niên 1980 trở lại đây, lý thuyết này đã được nhiều nước đang phát triển áp dụng với mô hình công nghiệp hóa mở cửa và hướng ngoại.

2.1.2. Tổng quan về các công trình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu nước ngoài:

Blomstrom và cộng sự (1997) đề cập đến tác động của FDI nhằm thúc đẩy CDCCKT của các quốc gia nhận đầu tư thông qua việc chuyển giao và phổ biến công nghệ từ các công ty đa quốc gia nước ngoài đến nước sở tại, vì các công ty nước ngoài này sở hữu và kiểm soát phần lớn công nghệ thương mại của thế giới [7].

Theo Françoise Nicolas (2003), FDI như một nhân tố quan trọng trong việc cơ cấu lại nền kinh tế Nam Hàn. Trong nghiên cứu này, tác giả tiến hành phân tích và đưa ra kết luận FDI đã tác động như thế nào đến việc cơ cấu lại nền kinh tế Nam Hàn trong quá khứ và tác động này có thể tiếp tục xảy ra trong tương lai hay không. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy nguồn vốn FDI vào Nam Hàn bị giới hạn. Thậm chí cho đến khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á xảy ra, FDI vào Hàn Quốc vẫn ở mức tối thiểu do thiếu nguồn tài nguyên thiên nhiên, quy mô giới hạn của thị trường địa phương (sự tăng trưởng cũng bị Chính phủ kiểm soát), cũng như lập trường chính sách hạn chế nhà đầu tư nước ngoài. Mặc dù nguồn vốn FDI vào Nam Hàn bị giới hạn nhưng lại tạo ra hiệu quả trong thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế [8].

Trong báo cáo của Pinto (2017) cho thấy dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài ngày càng tăng là một trong những động lực của quá trình toàn cầu hóa, đồng thời liên quan đến một số kết quả trọng tâm của nó. Mục đích của bài báo cáo là để xác định tác động của dòng vốn FDI và sự thay đổi cơ cấu đối với sự cạnh tranh của các nước sở tại. Kết quả ước tính cho thấy FDI có tác động tiêu cực, mặc dù thấp đến cạnh tranh của các quốc gia, bất kể biến số được sử dụng để đo lường cạnh tranh (tức là năng suất và chỉ số cạnh tranh toàn cầu). Mặt khác, các biến thay đổi cơ cấu cho thấy tác động ước tính tích cực, liên quan đến việc chuyển dịch các nguồn lực, tích lũy vốn (con người và vật chất), công nghệ và đổi mới.

Các công trình nghiên cứu trong nước:

Vương Đức Hoàng Quân (2014) với nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại TP.HCM tập trung vào các vấn đề như: cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các mô hình tăng trưởng kinh tế, đánh giá quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế TP.HCM [9]. Nghiên cứu này chỉ ra TP.HCM cần tập trung đầu tư vào các ngành nhằm tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn, có lợi thế cạnh tranh với 9 nhóm ngành dịch vụ chủ yếu có tiềm năng, thế mạnh của Thành phố là: tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, du lịch, bưu chính - viễn thông, vận tải - cảng - kho bãi, khoa học - công nghệ, giáo dục và y tế. Bên cạnh đó cần tăng cường hỗ trợ kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo ổn định, từng bước phát triển, đóng góp GDP ngày càng lớn cho TP.HCM.

Lê Thanh Tùng (2016) với nghiên cứu về thực trạng đầu tư FDI vào thị trường bất động sản tại TP.HCM từ khi gia nhập WTO đến nay. Kết quả cho thấy tổng vốn đầu tư FDI vào lĩnh vực bất động sản tại TP.HCM tăng lên rõ rệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO [10].

Nguyễn Thị Thúy Vân và cộng sự (2018) cũng đã nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới công nghiệp hóa tại tỉnh Thái Nguyên [11]. Tác giả đã kiểm định thực nghiệm tác động của FDI tới công nghiệp hoá của địa phương (áp dụng cụ thể đối với tỉnh Thái Nguyên) thông qua các chỉ tiêu đo lường công nghiệp hóa là tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và đô thị hóa; Và khẳng định FDI quyết định tới công nghiệp hóa ở địa phương cấp tỉnh và không có tác động ngược lại.

3. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Cách tiếp cận

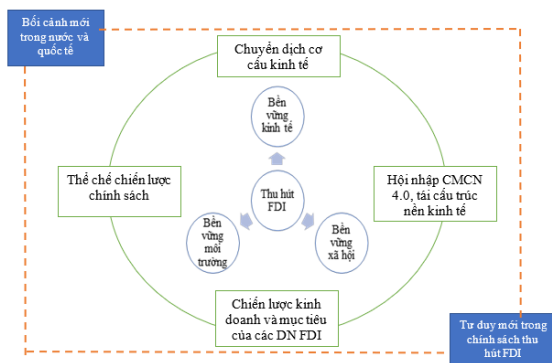
Tiếp cận hệ thống: nghiên cứu thu hút FDI trong bối cảnh nhằm thúc đẩy CDCCKT của địa phương nhưng vẫn bảo đảm chiến lược phát triển bền vững.

Tiếp cận biện chứng: nghiên cứu thu hút FDI được đặt trong mối quan hệ biện chứng, có tác động qua lại với các lĩnh vực khác trong nền kinh tế chứ không tách rời từng bộ phận.

Tiếp cận lịch sử cụ thể: nhận diện vấn đề thu hút FDI thúc đẩy CDCCKT được đặt trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể của các giai đoạn phát triển với những yếu tố môi trường địa phương, trong nước và thế giới riêng có của thời kỳ đó.

Tiếp cận thực nghiệm: nghiên cứu thực tiễn thu hút FDI thúc đẩy CDCCKT tại TP.HCM.

Như vậy, theo 3 cách tiếp cận trên nghiên cứu tổng kết các vấn đề lý luận để luận giải khung lý thuyết về thu hút FDI thúc đẩy CDCCKT trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững, khung nghiên cứu của đề tài được thể hiện như sơ đồ 1.



Sơ đồ 1. Khung nghiên cứu

Nguồn: Nhóm tác giả, 2022

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính cho mục tiêu nghiên cứu của mình bằng cách tổng hợp các nghiên cứu lý thuyết, thực tiễn kết hợp cùng số liệu thu thập liên quan từ 2012 đến 2020 nhằm đưa ra xu hướng, thực trạng của dòng vốn FDI, cũng như định hướng CDCCKT ngành của TP.HCM. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn nhiều chuyên gia FDI, các nhà phân tích chính sách cùng lĩnh vực để đưa ra những nhận định và kết luận cho các vấn đề đã nêu. Từ đó, nhóm giải pháp cho vấn đề thu hút FDI thúc đẩy hơn nữa CDCCKT của TP.HCM được hình thành, đặc biệt là nhóm các giải pháp ứng phó với tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn ra phức tạp như hiện nay.

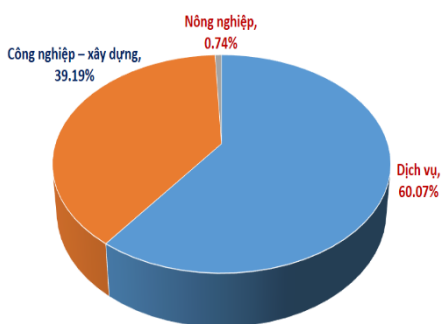
3.3. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp được thu thập từ niên giám thống kê hàng năm do Cục thống kê TP.HCM ban hành từ năm 2012 đến 2020. Nghiên cứu chọn mốc thời gian bắt đầu từ năm 2012 vì kinh tế - xã hội nước ta năm 2012 bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 1 năm 2012 là "... Duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế...". Để thấy được sự tăng trưởng và phát triển về vấn đề tiếp cận vốn FDI tại TP.HCM. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng thêm nguồn dữ liệu từ báo cáo của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn TP.HCM, thông tin trên các trang Website của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

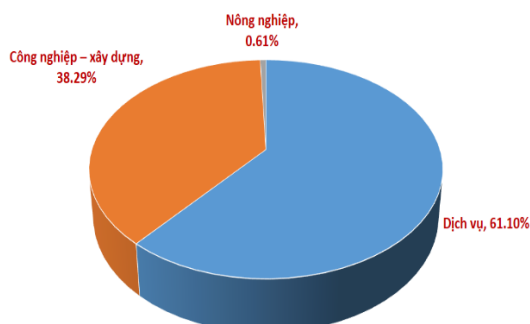
4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2020

Đại hội Đảng bộ TP.HCM lần thứ IX nhiệm kỳ 2011 - 2015 đã xác định 6 chương trình đột phá để kinh tế thành phố tăng trưởng theo chiều sâu và Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và thống nhất: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.



Hình 1. Cơ cấu kinh tế TP.HCM năm 2020



Hình 2. Cơ cấu kinh tế TP.HCM mục tiêu đến năm 2025

Năm 2012, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 57,8% đến năm 2020 tăng lên 60,07%, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng giảm từ 41,17% (năm 2012) xuống 39,19% (năm 2020) và tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 1,03% (năm 2012) xuống 0,74% (năm 2019); Chuyển

dịch cơ cấu nội ngành rõ rệt, tăng dần các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, 4 ngành công nghiệp trọng yếu, nông nghiệp đô thị. Như vậy, giai đoạn 2012 - 2020, cơ cấu kinh tế của TP.HCM đã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng GDP hai khu vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản và công nghiệp - xây dựng, đồng thời tăng dần tỷ trọng GDP khu vực dịch vụ. Sự chuyển dịch này đã và đang đi đúng hướng theo định hướng của Chính phủ và của UBND TP.HCM và sẽ là bước đệm để thành phố từng bước trở thành trung tâm thương mại, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo của khu vực.

Bảng 1. Cơ cấu ngành kinh tế trên địa bàn TP.HCM từ năm 2012 đến năm 2020 (tính theo giá thực tế)

Năm	Tổng số		Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản		Công nghiệp - xây dựng		Dịch vụ	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
2012	576.225	100,00	5.946	1,03	237.228	41,17	333.051	57,80
2013	658.898	100,00	7.140	1,08	265.369	40,27	386.389	58,65
2014	764.561	100,00	7.769	1,02	310.640	40,63	446.152	58,35
2015	852.523	100,00	8.778	1,00	335.571	39,40	508.174	59,60
2016	957.358	100,00	9.502	0,99	378.795	39,57	569.061	59,44
2017	1.023.92	100,00	8.588	0,84	401.993	39,26	613.331	59,9
2018	1.300.00	100,00	10.400	0,8	509.600	39,2	780.000	60,0
2019	1.347.36	100,00	9.433	0,7	513.347	38,1	824.589	61,2
2020	1,372,27	100,00	10.154	0,74	537.794	39,19	824.324	60,07

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM các năm (2012-2020)

Cho đến nay về cơ bản, cơ cấu kinh tế trên địa bàn TP.HCM có thể được xem là một nền kinh tế phi nông nghiệp, bởi vì tỷ trọng giá trị của khu vực nông lâm thủy sản chiếm chưa đầy 1% giá trị của 3 khu vực kinh tế chủ yếu; Khu vực công nghiệp và xây dựng có tỷ trọng khoảng từ 39 - 42% và khu vực dịch vụ dao động trong khoảng 55-60%. Đây là xu thế phù hợp với định hướng và sự phát triển của thành phố hiện nay.

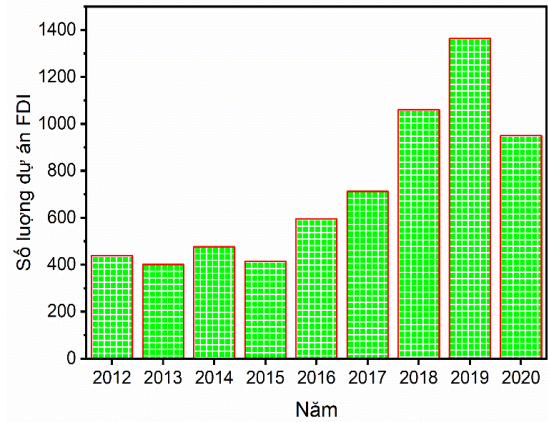
Bên cạnh những kết quả trên, TP.HCM đang đứng trước không ít những tồn tại và khó khăn. Đó là, các chính sách, giải pháp hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện vẫn chưa đủ mạnh, chưa tạo được sự đột phá; Tình trạng kéo dài sự tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa theo chiều rộng; Sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế chậm; Hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh chưa cao; Tỷ trọng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng cao của thành phố còn thấp, tính cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn khá yếu so với khu vực và quốc tế [12].

4.2. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại TP.HCM

Thời gian qua, TP.HCM luôn là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI. Tính đến hết năm 2020, trên địa bàn TP.HCM có 6.485 dự án đầu tư FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư kể cả cấp mới và tăng vốn là gần 40,99 tỷ USD, chiếm 20,8% tổng số dự án và 16,1% tổng số vốn so với cả nước [13].

Bảng 2. Dự án FDI vào TP.HCM (2012-2020) theo số lượng đăng ký

Năm	Số dự án		Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2012	439	117	2804	149
2013	401	91,3	2312	82,5
2014	477	119	2086	90,2
2015	414	86,8	3210	114
2016	595	143,7	4511	140,5
2017	713	120	4656	103,5
2018	1060	148	6238	140
2019	1365	129	8338	133
2020	950	69	4356	52



Hình 3. Dự án FDI vào TP. HCM giai đoạn 2012 - 2020 theo số lượng đăng ký

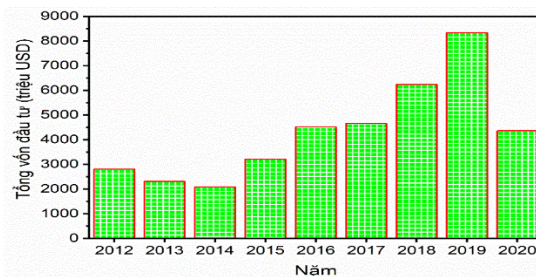
Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM (2012-2020)

Thực tế cho thấy, vốn đầu tư FDI vào TP.HCM không chỉ tăng thông qua vốn đăng ký ở các dự án mới mà đối với các dự án FDI cũ cũng thường xuyên được điều chỉnh vốn tăng thêm ở mức khá cao. Tính riêng năm 2017, có 177 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng số vốn tăng thêm đạt 529,2 triệu USD, năm 2018 tăng lên là 1060 dự án với số vốn đăng ký là 6238 triệu USD, năm 2019 tăng lên 1365 dự án với số vốn là 8338 triệu USD. Điều đó cho thấy môi trường đầu tư và kinh doanh TP.HCM luôn được các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm, tin tưởng. Nếu không bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 thì con số về FDI đầu tư tại TP.HCM vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Là một trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của khu vực phía Nam và cả nước, TP.HCM luôn nỗ lực đà tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững. Thành phố phấn đấu đến năm 2025 là đô thị thông minh, thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu trên, TP.HCM đã chấp thuận Danh mục Dự án kêu gọi đầu tư năm 2022, với 197 dự án thuộc 10 lĩnh vực và tổng vốn đầu tư 943.937 tỷ đồng.

Từ đầu năm 2022 đến nay, tính chung cả vốn thu hút được dưới hình thức cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và vốn thu hút được qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước, TP.HCM thu hút được 1,28 tỷ USD đầu tư FDI, tăng 12,18% tổng vốn đầu tư so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu USD



Hình 4. Dự án FDI vào TP. HCM (2012-2020) theo tổng vốn đầu tư

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM (2012-2020)

Tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn TP.HCM còn 9.952 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư kể cả cấp mới và tăng vốn là **48.190.480** nghìn USD [14,15]. Trong đó, cơ cấu đầu tư phân theo ngành nghề/lĩnh vực hoạt động cụ thể như sau.

Bảng 3. Cơ cấu đầu tư FDI theo ngành/ngành lĩnh vực hoạt động ở TP. HCM (12/2020)

TT	Ngành nghề/lĩnh vực hoạt động	Số dự án	Tỷ lệ % số dự án	Vốn đầu tư (ngàn USD)	Tỷ lệ % vốn đầu tư
1	Hoạt động kinh doanh bất động sản	463	4,65	15.300.757	31,75
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1756	17,64	15.009.127	31,15
3	Giáo dục và đào tạo	215	2,16	2.709.868	5,62
4	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	2599	26,11	4.822.436	10
5	Thông tin và truyền thông	1334	13,4	1.547.710	3,21
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1871	18,8	1880647	3,9
7	Xây dựng	748	7,52	1978243	4,1
8	Vận tải kho bãi	454	4,56	940.670	1,95
9	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	89	0,89	979.180	2,03
10	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	7	0,07	337.345	0,7
11	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	176	1,77	1.642.044	3,41
12	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	16	0,16	138.873	0,29
13	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	134	1,35	294.314	0,61
14	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	10	0,1	222.607	0,46
15	Khai khoáng	10	0,1	215.522	0,45
16	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	25	0,25	93.706	0,19
17	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	10	0,1	48.351	0,1
18	Hoạt động dịch vụ khác	35	0,35	29.080	0,06
Tổng cộng		9952	100	48.190.480	100

Nguồn: Tổng cục thống kê TP.HCM, 2021

Như vậy, các dự án FDI đầu tư vào TP.HCM tập trung nhiều nhất vào hoạt động kinh doanh bất động sản với 463 dự án, với số vốn 15.300.757 nghìn USD, chiếm tỷ trọng cao nhất (33,52%), đứng thứ hai là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 1756 dự án, số vốn là trên 15 tỷ USD (chiếm 31,15%), thứ ba là bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 2599 dự án, số vốn đầu tư là hơn 4,8 tỷ USD, chiếm 10%, thứ tư là giáo dục và đào tạo với 215 dự án, số vốn 2,7 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 5,62%, hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ đứng thứ năm với 1871 dự án, số vốn gần 1,98 tỷ USD, chiếm

4,1%. Trong khi đó lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tài chính ngân hàng, bảo hiểm và khai khoáng có số lượng dự án và số vốn FDI đầu tư ở mức thấp nhất. Điều đó cho thấy nguồn vốn FDI có sự dịch chuyển rõ rệt trong hạng mục đầu tư, từ đó nó làm chuyển dịch các ngành kinh tế của TP.HCM.

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, trong 4 tháng đầu năm 2022, tính chung cả vốn thu hút được dưới hình thức cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và vốn thu hút được qua hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của doanh nghiệp trong nước, TP.HCM thu hút được 1,28 tỷ USD, tăng 12,18% tổng vốn đầu tư so với cùng kỳ [16].

4.3. Kết quả đạt được trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế TP.HCM

TP.HCM xác định 4 ngành công nghiệp, 9 ngành dịch vụ mũi nhọn và đặc biệt lựa chọn 13 ngành này làm ngành trọng điểm bởi đây chính là các ngành được xác định có lợi thế của địa phương, các ngành này đều là các ngành ứng dụng khoa học công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao.

4.3.1. Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ

TP.HCM đã tích cực thực hiện các chính sách khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ với các ưu đãi về thuế, ưu đãi liên quan đến thuế nhập khẩu, ưu đãi về sử dụng đất và ưu đãi về kế toán. Đặc biệt, thành phố có những chính sách ưu đãi đối với DN FDI đầu tư vào các hàng hoá, ngành dịch vụ môi trường bao gồm xử lý và tái chế chất thải cũng như công nghệ xử lý môi trường như: Nhà nước miễn giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ tài chính cho đền bù giải phóng mặt bằng, miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị và nguyên vật liệu cho các dự án đầu tư, miễn thuế, giảm thuế đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm giao thông, điện, năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước và xây dựng hàng rào bảo vệ...

4.3.2. Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và xây dựng

Định hướng chung của TP.HCM đối với ngành công nghiệp và xây dựng là nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng hàm lượng giá trị gia tăng trong cơ cấu giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư, trong đó chú trọng nguồn lực đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào phát triển ngành công nghiệp.

4.3.3. Chính sách thu hút của đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp

TP.HCM đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, tập trung vào các chương trình chuyển giao các tiến bộ về giống và đẩy mạnh áp dụng công nghệ, cải tiến kỹ thuật canh tác cho nông dân trồng rau, trồng hoa, cây kiềng, đặc biệt đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất hoa lan; xây dựng các mô hình chăn nuôi bò sữa áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật. Trong nội bộ từng ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cũng có sự chuyển đổi cơ cấu theo hướng sản xuất cây trồng, vật nuôi có năng suất, giá trị gia tăng cao đã nâng cao hiệu quả sản xuất thực tế bình quân trên 1 héc ta canh tác.

Bảng 4. Tỷ trọng vốn FDI đầu tư vào các ngành chủ yếu ở TP.HCM giai đoạn 2018 - 2020

DVT: 1.000 USD

Phân theo ngành KT	Năm 2018	Tỷ trọng (%)	Năm 2019	Tỷ trọng %	Năm 2020	Tỷ trọng %
Công nghiệp	97,306	8,27	740,7	39,18	540,7	12,4
Xây dựng	2,905	2,50	16,08	0,85	184,4	4,23
Thương nghiệp	17,581	14,90	247,8	13,1	1.049,7	24,09
Vận tải kho bãi	1,745	1,48	46,16	2,44	188,9	4,33
DV lưu trú và ăn uống	5,825	0,50	7,080	0,37	111,6	2,56
Thông tin và TT	1,178	0,10	49,72	26,3	191,5	4,39
Kinh doanh BĐS	48,472	41,19	458,6	24,2	876,3	20,11
HĐ chuyên môn KHCN	25,830	21,95	307,530	16,2	1.046,4	24,02
Giáo dục và đào tạo	19,710	16,70	6,159	0,32	57,6	1,32
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	6,857	5,83	3,600	0,19	27,9	0,64

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM (2018-2020)

Tỷ trọng vốn FDI đầu tư vào các ngành chủ lực của TP.HCM trong 3 năm gần đây (2018 - 2020) cũng có sự biến động khá rõ rệt. Sự biến động này chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 và sự chuyển dịch làn sóng đầu tư ra khỏi Trung Quốc chuyển sang Ấn Độ, các nước ASEAN trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, sự biến động này không ảnh hưởng đáng kể vào định hướng CDCCKT mà TP.HCM đã đặt ra. Ngành Công nghiệp, năm 2018 là 8,27%, thì đến năm 2019 tăng vọt lên 39,18% và giảm xuống còn 12,4% vào năm 2020. Ngành Thương nghiệp, trong đó có thương mại điện tử tăng lên khá rõ rệt, từ 14,90% năm 2018 lên 24,09% năm 2020. Hợp đồng chuyên môn khoa học công nghệ có xu hướng gia tăng, từ 21,95% (2018) lên 24,02% năm 2020, mặc dù có giảm xuống vào năm 2019 là 16,2%. Ngành Bất động sản giảm từ 41,19% (2018) xuống còn 24,2% (2019) và 20,11% (năm 2020). Ngành giảm mạnh là Giáo dục và đào tạo, từ 16,70% (2018) xuống còn 0,32% (2019) và 1,32% năm 2020.

4.4. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM

4.4.1. Những hạn chế

- Chiến lược thu hút FDI nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành chưa hợp lý. Chiến lược thu hút FDI hướng vào CDCCKT của TP.HCM còn nhiều hạn chế, nhiều thời điểm bị động và không phân định rõ đối tác FDI, chưa có định hướng cụ thể khuyến khích thu hút FDI theo các ngành, các sản phẩm mà TP.HCM có nhiều lợi thế (như các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, ngành chế biến gỗ, vật liệu xây dựng, sản xuất phôi thép, phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ tài chính - ngân hàng, dịch vụ vận tải, đào tạo nguồn nhân lực, công nghệ phần mềm...).

- Quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực của TP.HCM còn nhiều hạn chế. Công tác quy hoạch trong thu hút FDI theo ngành kinh tế, theo vùng, theo thành phần kinh tế và theo sản phẩm của TP chưa rõ ràng và hợp lý, chưa chú trọng trong công tác quy hoạch

gắn với đặc thù vùng, miền; Chưa có quy hoạch cụ thể về phát triển những sản phẩm đặc sản, chưa tạo ra được các đầu mối bao tiêu sản phẩm; Nhiều sản phẩm phát triển tự phát, không có chiến lược lâu dài, không có thị trường tiêu thụ ổn định; Vấn đề phát triển thị trường mới và củng cố thị trường truyền thống chưa được quan tâm thỏa đáng...

- *Chuyển giao công nghệ từ vốn FDI còn hạn chế.* Sự yếu kém trong chuyển giao công nghệ từ hoạt động FDI có thể biến TP.HCM thành bãi rác thải công nghiệp, gây ô nhiễm môi trường làm cho CDCCKT của TP.HCM không theo chiều sâu và không bền vững.

- *Còn nhiều điểm nghẽn về năng lực hấp thụ FDI thúc đẩy CDCC ngành kinh tế: Thứ nhất* là năng lực cung cấp đầu vào và phát triển của công nghiệp phụ trợ không được cải thiện mặc dù đã có khá nhiều giải pháp được đưa ra. *Thứ hai* là chi phí đầu tư tăng do giá bất động sản công nghiệp và lương tăng. *Thứ ba* là chất lượng lao động chưa đảm bảo và thị trường lao động đã có dấu hiệu khan hiếm lao động ở các vùng động lực. Do khan hiếm lao động, hiện tượng lao động nhảy việc rất cao trong các doanh nghiệp FDI.

4.4.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân chủ quan

- *Thay đổi tư duy về thu hút vốn FDI chưa theo kịp với yêu cầu.* Công tác thu hút FDI ở TP. HCM còn coi trọng về số lượng, chưa coi trọng về chất lượng, còn bệnh thành tích trong cơ quan quản lý các cấp. Công tác thẩm định dự án FDI cũng có những thiếu sót, chủ quan, khuynh hướng chạy theo số lượng, chưa chú ý đến chất lượng dẫn tới nhiều dự án bị đổ bể hoặc giải thể trước thời hạn.

- *Khung pháp lý về thu hút FDI còn nhiều bất cập.* Mặc dù, hệ thống pháp luật về ĐTNN được liên tục sửa đổi và có tiến bộ rõ rệt, song trên thực tế vẫn chưa đồng bộ, thiếu nhất quán, còn vướng mắc, gây khó khăn cho các DN trong việc dự toán và lên phương án kinh doanh; tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng ở các cấp.

- *Chính sách khuyến khích, ưu đãi thu hút FDI nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành của TP chưa đủ hấp dẫn.* Một số chính sách của TP.HCM để thu hút đầu tư FDI chưa ổn định, chưa thật sự nổi bật so với một số TP lân cận cũng có khả năng thu hút FDI rất lớn là Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai.

- *Công tác quản lý Nhà nước về FDI còn bất cập.* Việc phân cấp quản lý FDI thực hiện trong bối cảnh hệ thống luật pháp còn chông chéo, thiếu đồng bộ; nội dung phân cấp chưa phù hợp với đặc thù của từng địa phương, vùng lãnh thổ.

- *Thủ tục hành chính chưa thuận lợi.* Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu thu hút FDI nhằm CDCCKT và phát triển trong tình hình mới. Việc cải cách thủ tục hành chính triển khai còn chậm và còn nhiều yếu kém, có nhiều chính sách ưu đãi và tích cực cải thiện môi trường đầu tư nhưng tốc độ thu hút FDI còn chậm.

- *Nguồn nhân lực còn hạn chế.* Nguồn lao động của TP.HCM tuy đông nhưng chất lượng lao động không đồng đều, đa phần lao động của TP là có trình độ thấp, giá rẻ - điều này hiện nay không còn là lợi thế.

Nguyên nhân khách quan:

- *Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ.* Cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng của TP.HCM vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế như: tình trạng ngập úng, giao thông ùn tắc, chậm đầu tư hạ tầng kỹ thuật và giải tỏa mặt bằng, các thiết bị phục vụ các cảng đường thủy còn thiếu, phải bốc dỡ thủ công ...cũng đã ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư, cản trở đến việc thu hút vốn FDI vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế TP.HCM thời gian qua.

- *Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến dòng FDI của Việt Nam.* FDI các tháng đầu năm tăng chậm lại do các doanh nghiệp hạn chế đầu tư. Bên cạnh đó sự sụt giảm của FDI toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ tới FDI vào Việt Nam.

- Xu thế dịch chuyển dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Các DN nước ngoài có xu hướng dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được hưởng lợi với vị trí địa lý giáp ranh.

5. GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ CỦA TP.HCM TẦM NHÌN 2030

5.1. Quan điểm và định hướng

Quan điểm phát triển khẳng định CDCCKT và phát triển kinh tế, xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; Giảm dần khoảng cách giàu, nghèo vùng núi cao với vùng đô thị; Đẩy lùi các tệ nạn xã hội; Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; Kết hợp đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển kết cấu hạ tầng trên tất cả các vùng, khu vực thuộc địa bàn TP.HCM. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với củng cố an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh; Giữ vững ổn định chính trị, xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Cùng với định hướng phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2030 của TP.HCM trong xu thế hội nhập KTQT, trong khi mục tiêu đặt ra cho hoạt động FDI là tranh thủ vốn một cách chủ động, có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm; Chú trọng chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội trong một quy hoạch tổng thể theo định hướng chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta, góp phần tạo ra một năng lực mới, trong đó đặc biệt là năng lực về công nghệ và sản xuất hàng xuất khẩu. Đồng thời với việc chỉ đạo thực hiện tốt các dự án đã được cấp phép, nâng cao chất lượng hoạt động FDI lên một tầm mới. Do đó, việc thu hút FDI nhằm thúc đẩy hơn nữa CDCC ngành kinh tế của TP. HCM trong thời gian tới cần theo những định hướng như sau:

- Thu hút FDI thúc đẩy CDCC ngành kinh tế của TP.HCM phải gắn với mục tiêu CDCC ngành kinh tế của TP nhanh và bền vững.

- Chú trọng và tăng cường thu hút FDI vào lĩnh vực mà TP.HCM có tiềm năng và thế mạnh để tạo bước đột phá trong CDCCKT; củng cố và nâng cao vị thế cạnh tranh của TP.HCM so với các TP khác.

- Các hoạt động quản lý nhà nước của TP.HCM đối với hoạt động FDI hướng vào CDCCKT cần phù hợp với các cam kết quốc tế và khu vực mà TP.HCM đang và sẽ tham gia.

- Kết hợp một cách hài hòa việc thu hút FDI với các hình thức đầu tư khác và các nhân tố giúp thúc đẩy CDCC ngành kinh tế để CDCC ngành kinh tế của TP.HCM một cách đồng bộ.

- Việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh từ FDI thúc đẩy CDCC ngành kinh tế của TP.HCM cần được thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi.

- Cần phải liên tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI nhằm thúc đẩy CDCC ngành kinh tế của TP.HCM.

- Chủ động khuyến khích các dự án FDI theo cơ cấu ngành kinh tế tăng vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi hình thức FDI theo CCKT.

5.2. Giải pháp chủ yếu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM tầm nhìn đến năm 2030

Thứ nhất, Đổi mới tư duy trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM. Nếu muốn các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn vào TP

thông qua hình thức FDI thì trước hết cần phải có một cuộc cách mạng nhận thức. Từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến cấp chính quyền cơ sở đều thống nhất trong đánh giá vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong nền kinh tế của thành phố.

Thứ hai, Hoàn thiện quy hoạch phát triển các ngành các lĩnh vực của TP.HCM. Quy hoạch là một công việc rất quan trọng nhằm thu hút FDI đúng hướng, đúng mục đích góp phần CDCCKT.

Thứ ba, Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM. Tăng cường thu hút FDI từ Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc vào TP HCM để tạo bước đột phá về công nghệ nhằm CDCCKT.

Thứ tư, Hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm thúc đẩy hơn nữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM. Tạo cơ chế ưu đãi và khuyến khích hơn nữa để thu hút FDI vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các vùng và ngành kinh tế có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh cao nhưng đang thiếu vốn.

Thứ năm, Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM. Đổi mới công tác XTĐT theo hướng tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo tình hình kinh tế thế giới, xung đột thương mại giữa các nước lớn, biến đổi của các dòng đầu tư trên thế giới.

Thứ sáu, Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính của TP.HCM. Rà soát tối đa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm đảm bảo duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư kinh doanh bền vững. Để tháo gỡ, khơi thông dòng vốn FDI, Tp.HCM đang đẩy mạnh tạo quỹ đất công nghiệp cùng với việc triển khai thêm một số khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng công nghệ cao, giải quyết hạ tầng giao thông. Đặc biệt, Tp.HCM tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ bảy, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển nguồn nhân lực cạnh tranh với lực lượng lao động có kỹ năng, tay nghề thích ứng với bối cảnh CMCN 4.0 và hội nhập quốc tế. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài làm việc tại Việt Nam, đảm bảo an sinh cho người lao động. Theo đó, thành phố quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực quản trị tiên tiến, doanh nghiệp thích ứng với nền sản xuất mới trong cuộc CMCN 4.0.

Thứ tám, Cải thiện cơ sở hạ tầng. Cải thiện cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện thu hút FDI hướng vào CDCCKT của TP.HCM. Cơ sở hạ tầng tốt thì sẽ thu hút FDI tốt để CDCCKT nhanh. Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thành phố cần xây dựng hệ thống giao thông toàn diện, đẩy mạnh phát triển giao thông công cộng. Trong đó, gấp rút thực hiện công trình mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất, hoàn thành dự án metro số 1 đúng tiến độ, xử lý tình trạng ngập, thủy triều.

Cần phải rà soát tổng thể, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2025 và 2030 để làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ chín, Tăng cường chuyển giao khoa học công nghệ. Thu hút và tiếp nhận có hiệu quả những thành tựu khoa học công nghệ từ FDI góp phần thúc đẩy hơn nữa CDCCKT của TP.HCM.

Thứ mười, Nhóm giải pháp hậu COVID-19 cho Chính quyền TP.HCM và Chính phủ Việt Nam. Chính quyền TP.HCM và Chính phủ Việt Nam cũng cần có những quyết sách thật **nhanh, mạnh và chính xác** để đón dòng dịch chuyển FDI từ khủng hoảng đại dịch COVID - 19.

Cuối cùng, Một số giải pháp khác:

- Đẩy nhanh tiến trình hội nhập KTQT để tăng cường thu hút FDI nhằm thúc đẩy hơn nữa CDCCKT ngành kinh tế của TP.HCM.

- Thu hút FDI nhằm thúc đẩy hơn nữa CDCCKT của TP.HCM cần quan tâm đến yếu tố vùng, miền.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh cho nền kinh tế của TP.HCM để thu hút FDI nhằm thúc đẩy hơn nữa CDCC ngành kinh tế.

6. KẾT LUẬN

Tổ chức y tế Thế giới (WHO) dự báo dịch Covid-19 có thể được kiểm soát trên phạm vi toàn cầu vào giữa năm 2022, khuyến cáo các quốc gia cần chuyển sang trạng thái bình thường mới, mở cửa với thế giới, phục hồi và phát triển kinh tế. Đó cũng là chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam để vượt qua thách thức trước mắt, tranh thủ cơ hội mới của năm 2022, tăng cường thu hút FDI và nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế có vốn FDI, đóng góp nhiều hơn vào chuyển dịch sang kinh tế số, thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của kế hoạch 5 năm 2021- 2025. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức FDI (như Luật đầu tư 2005, với 7 hình thức FDI) tại TP.HCM để khai thác các kênh đầu tư mới như công ty hợp danh, công ty quản lý vốn, chuyển đổi doanh nghiệp có vốn FDI sang hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này được đăng ký tại thị trường chứng khoán, thực hiện hình thức M&A, quỹ đầu tư... và nghiên cứu, tạo cơ chế thúc đẩy sự phát triển của FPI làm động lực hỗ trợ cho thu hút FDI nhằm CDCKT của TP.HCM đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Tất Thắng - Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở TP.HCM, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội (2006).
2. Nguyễn Thị Lan Hương - Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở TP HCM, Luận án tiến sĩ kinh tế, Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012).
3. Thông tấn xã Việt Nam - Tổng vốn FDI năm 2021 của Việt Nam đạt hơn 31,15 tỷ USD (2021), Truy cập tại <https://www.vietnamplus.vn/infographics-tong-von-fdi-nam-2021-cua-viet-nam-dat-hon-3115-ty-usd/765356.vnp>.
4. Nguyễn Trọng Hoài - Giáo trình Kinh tế phát triển, NXB Lao Động (2006).
5. M.Syrquin - Foreign direct investment as a catalyst for industrial development, *European Economic Review* **43** (1999) 335-356.
6. Nurkse, Howard S. Ellis, Henry C. Wallich - International trade theory and development policy, In *Economic Development for Latin America: Proceedings of a Conference held by the International Economic Association*, London: Macmillan (1961).
7. Blomstrom, Magnus & Kokko, Ari. - The Impact of Foreign Investment on Host Countries: A Review of the Empirical Evidence, *World Bank Policy Research Working Paper*. 1745 (1997).
8. Françoise Nicolas - FDI as a Factor of Economic Restructuring: The Case of South Korea”, *International Trade, Capital Flows and Economic Development in East Asia: The Challenge in the 21st Century*, London, Ashgate (2003).
9. Vương Đức Hoàng Quân - Nhìn lại quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh* **9** (3) (2014) 105-118.
10. Lê Thanh Tùng - Thực trạng thu hút vốn FDI vào bất động sản tại TP Hồ Chí Minh từ sau khi gia nhập WTO đến nay, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ* **19** (4) (2016) 127-142.

11. Nguyễn Thị Thúy Vân, Đặng Kim Anh, Nguyễn Thị Thùy Dung - Đầu tư trực tiếp nước ngoài với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 1997-2016, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-Đại học Thái Nguyên **191** (15) (2018) 123-129.
12. Nguyễn Thị Bích Thủy - Đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sỹ Quản lý kinh tế, Học viện Khoa học Xã hội (2022).
13. Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh - Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 (2008).
14. Tổng cục Thống kê (2012-2020), Niên giám Thống kê từ năm 2012 đến năm 2020, NXB Thống kê, Hà Nội.
15. Tổng cục Thống kê (2012-2020), Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam từ năm 2012 đến 2020, NXB Thống kê, Hà Nội.
16. Anh Tuấn - Thêm 1,28 tỷ USD vốn FDI được “rót” vào thành phố Hồ Chí Minh, Thông tấn xã Việt Nam (2022).

ABSTRACT

SOLUTIONS TO ATTRACT FOREIGN DIRECT INVESTMENT, PROCESSING THE ECONOMIC STRUCTURE TRANSFER OF HO CHI MINH CITY, VISION TOWARD 2030

Nguyen Thi Bich Thuy^{1*}, Tran Thi Ngoc Lan², Tran Thanh Trung²

¹*Industrial Univeristy of Ho Chi Minh City*

²*Ho Chi Minh City University of Food Industry*

*Email: nguyenthibichthuy@iuh.edu.vn

This research is conducted with the hope that the results of the research will serve as a scientific basis for managers and policymakers to come up with solutions to attract foreign direct investment (FDI) to promote the economic restructuring of Ho Chi Minh City, with a vision to 2030. The study has given important solutions and recommendations for Ho Chi Minh City, such as: Developing a planning for the development of sectors, regions, and economic sectors of the city must be associated with each industry, taking into account each region and each area, prioritizing the development of comparative advantages, and at the same time increasing the attraction of projects with appropriate technologies, investing in industries with economic transformation in order to reduce the current imbalance of the city. Ho Chi Minh City; Create more incentives and encouraging mechanisms to attract FDI in key economic sectors, regions and economic sectors with comparative advantages and high competitiveness but lack of capital; increase the attraction of FDI from the United States, Western Europe, Japan and South Korea into Ho Chi Minh City to create a breakthrough in technology for economic restructuring; And finally, the work of investment mobilization and promotion needs to be renewed in terms of content and implementation method, following a proactive and effective program.

Keywords: Economic restructuring, attracting foreign direct investment (FDI), Ho Chi Minh City.